

Lạng Sơn, ngày tháng 3 năm 2026

Số: /TB-HĐDG

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn các tổ chức, đơn vị tư vấn thẩm định giá
để phục vụ công tác định giá tài sản trong tố tụng hình sự

Để có cơ sở xác định giá trị tài sản theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự (theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn) thông báo lựa chọn các tổ chức, đơn vị tư vấn thẩm định giá để phục vụ công tác định giá tài sản trong tố tụng hình sự, cụ thể như sau:

1. Thông tin tài sản thẩm định giá

- Tên tài sản: 782 khúc gỗ có đường kính trung bình từ 10cm đến 36 cm gồm các loại Sau Sau, Mận Rừng, Cánh Lò, Vối Thuộc, Thành Ngạnh và Dẻ với tổng khối lượng 20,997m³ (có bảng kê chi tiết kèm theo).
- Thời điểm yêu cầu định giá: Tháng 9 năm 2025.
- Địa điểm yêu cầu định giá: Tại tỉnh Lạng Sơn.

2. Mục đích thẩm định giá: Phục vụ công tác định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

3. Lựa chọn tổ chức thẩm định giá

Lựa chọn và ưu tiên các tổ chức thẩm định giá có đủ các điều kiện và tiêu chí sau:

(1) Doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn phải đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo thông báo của Bộ Tài chính, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của hệ thống Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam;

(2) Giá dịch vụ thẩm định giá bằng hình thức mức giá dịch vụ trọn gói (đã bao gồm các chi phí khảo sát, thu thập thông tin để thẩm định giá tài sản và các chi phí hợp lý khác...), ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp có mức giá thấp nhất;

(3) Các tiêu chí khác: Thành phần hồ sơ đảm bảo đầy đủ và đạt yêu cầu, gửi trong thời hạn quy định và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về giá trị thẩm định.

4. Thành phần Hồ sơ

STT	Nội dung	Yêu cầu
1	Hồ sơ pháp lý	Thông báo của Bộ Tài chính về danh sách các doanh nghiệp đủ điều kiện thẩm định giá, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ liên quan khác.
2	Năng lực kinh nghiệm	Bản mô tả năng lực doanh nghiệp (bao gồm hợp đồng, các chứng thư điển hình liên quan đến thẩm định giá tài sản trên mà doanh nghiệp đã thực hiện thành công trong 02 năm tính đến thời điểm hiện tại).
3	Thư chào giá dịch vụ thẩm định giá (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, chi phí liên quan đến việc thẩm định).	Biểu phí rõ ràng, công khai, hợp lý.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 12/3/2026 đến ngày 15/3/2026.
- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự (theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn) qua Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 18 đường Trần Hưng Đạo, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. Chi tiết xin liên hệ với ông Lý Văn Đàm, số điện thoại: 0949.015.129.
- Hình thức nộp hồ sơ: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện (hồ sơ được tính theo dấu bưu điện trước 17h00 của ngày kết thúc thông báo). Cơ quan tiếp nhận không thực hiện hoàn trả hồ sơ đã nộp.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự (theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn) thông báo để các tổ chức, đơn vị thẩm định giá tài sản có đủ các điều kiện và tiêu chí biết và đăng ký theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thành viên Hội đồng định giá theo Quyết định số 372/QĐ-UBND;
- Lãnh đạo Sở NN&MT;
- Văn phòng Sở;
- VP Đăng ký đất đai;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VT, CCKL_(LVĐ).

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
Hoàng Văn Chiền

**BẢNG KÊ CHI TIẾT
TÀI SẢN CẦN THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐĐG ngày tháng 3 năm 2026 của Hội đồng
định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo Quyết định số 372/QĐ-UBND)*

STT	Tên gỗ	Nhóm loài	Chiều dài (m)	Đường kính (cm)	Số lượng (khúc)	Khối lượng (m ³)	Ghi chú
1	Dẻ	Thông thường	2	28	2	0,123	
2	Dẻ	Thông thường	2	30	5	0,353	
3	Dẻ	Thông thường	2	32	3	0,482	
4	Vối thuốc	Thông thường	1	16	46	0,924	
5	Mận rừng	Thông thường	1	12	76	0,859	
6	Mận rừng	Thông thường	1	14	62	0,953	
7	Mận rừng	Thông thường	1	16	46	0,924	
8	Mận rừng	Thông thường	1	10	51	0,4	
9	Cáng lò	Thông thường	1	18	51	1,297	
10	Cáng lò	Thông thường	1	20	49	1,53	
11	Cáng lò	Thông thường	1	22	18	0,683	
12	Sau Sau	Thông thường	1	24	13	0,587	
13	Sau Sau	Thông thường	1	28	12	0,738	
14	Sau Sau	Thông thường	1	36	3	0,305	
15	Dẻ	Thông thường	2	22	4	0,303	
16	Dẻ	Thông thường	2	24	10	0,904	
17	Dẻ	Thông thường	2	26	4	0,424	
18	Thành ngạnh	Thông thường	1	12	15	0,169	
19	Thành ngạnh	Thông thường	1	14	11	0,169	
20	Thành ngạnh	Thông thường	1	16	2	0,04	
21	Vối thuốc	Thông thường	1	18	6	0,152	
22	Vối thuốc	Thông thường	1	20	6	0,188	
23	Vối thuốc	Thông thường	1	22	3	0,114	
24	Dẻ	Thông thường	2	18	1	0,05	
25	Dẻ	Thông thường	2,2	20	2	0,158	
26	Dẻ	Thông thường	2,2	24	4	0,398	
27	Dẻ	Thông thường	2,2	30	2	0,311	
28	Dẻ	Thông thường	2,2	32	1	0,176	
29	Dẻ	Thông thường	2,2	34	1	0,221	
30	Cáng lò	Thông thường	1	10	46	0,361	

31	Cáng lò	Thông thường	1	12	75	0,847	
32	Cáng lò	Thông thường	1	14	62	0,954	
33	Cáng lò	Thông thường	1	18	27	0,686	
34	Sau Sau	Thông thường	1	20	14	0,439	
35	Sau Sau	Thông thường	1	22	12	0,455	
36	Sau Sau	Thông thường	1	24	7	0,316	
37	Vôi thuốc	Thông thường	1	26	4	0,212	
38	Vôi thuốc	Thông thường	1	28	3	0,184	
39	Vôi thuốc	Thông thường	1	30	6	0,423	
40	Vôi thuốc	Thông thường	1	34	1	0,09	
41	Dẻ	Thông thường	2	22	2	0,075	
42	Dẻ	Thông thường	2	24	3	0,135	
43	Dẻ	Thông thường	2	30	2	0,282	
44	Dẻ	Thông thường	2	34	8	1,451	
45	Dẻ	Thông thường	6	18	1	0,152	
Tổng cộng					782	20,997	